

Bản án số: 160/2026/HS-ST
Ngày: 29/7/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Tuấn và bà Lê Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên toà tại điểm cầu trung tâm: Bà Vũ Phương Thảo – Thư ký
Toà án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình.

- Thư ký phiên toà tại điểm cầu thành phần – Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh N: Bà Nguyễn Thị Tuyết N – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Phạm Minh Tiến – Kiểm sát viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình tại điểm cầu thành phần – Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh N: Bà Lê Thị Thu T – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/7/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình và Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai, trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 144/2026/TLST-HS ngày 06/07/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2026/QĐXXST - HS ngày 16/7/2026 đối với bị cáo:

Nông Văn H, sinh năm 1993 tại tỉnh Cao Bằng; giới tính: Nam; số căn cước công dân: 004093006289; nơi đăng ký thường trú: **Xóm B, xã H, tỉnh Cao Bằng**; nơi ở trước khi bị bắt: **Tổ dân phố N, phường T, tỉnh Ninh Bình**; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 4/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông **Lương Văn C** và bà **Nông Thị L**; có vợ là **Phùng Thị D** và 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016

Tiền án: - Ngày 25/11/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 28 tháng tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 21/9/2022 chấp hành xong án phạt tù.

- Ngày 17/6/2024 bị Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh kết án 13 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 20/4/2025 chấp hành xong án phạt tù.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 19/10/2001 bị Ủy ban nhân dân tỉnh C ra Quyết định số 1053/QĐ-UBND áp dụng biện pháp xử lý hành chính “Đưa vào cơ sở giáo dục”, thời gian: 24 tháng.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/3/2026 đến ngày 28/3/2026 chuyển tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam V - Trại tạm giam số 02 Công an tỉnh N. (có mặt)

* Bị hại: Công ty TNHH K; địa chỉ: Khu công nghiệp Đ, phường D, tỉnh Ninh Bình.

+ Người đại diện hợp pháp của bị hại: Anh Phạm Cao C1; chức vụ: Quản lý Phòng an ninh. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 01/2026; bị cáo Nông Văn H là tổ trưởng tổ thao tác chuyên của Công ty TNHH K1.

Khoảng 08 giờ ngày 20/01/2026, H đến bộ phận VNX00 (tổ thao tác chuyên) của Công ty TNHH K1 để làm việc. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, sau khi ăn cơm xong, H đến nằm trên bàn thao tác chuyên thứ hai của dãy số 06 trong kho nhà xưởng F2 để nghỉ trưa. Tại đây, H thấy trên mặt bàn, phía bên phải có để 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Sam Sung, loại Galaxy Tab S9 FE của Công ty TNHH K1 dùng để chụp ảnh quá trình làm việc của công nhân nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc máy tính bảng trên để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. H dùng tay phải kéo chiếc áo khoác màu đen đang đắp trên bụng về phía chiếc máy tính bảng nhằm mục đích che camera giám sát của Công ty. Sau đó, H dùng tay trái giữ áo khoác, tay phải lấy chiếc máy tính bảng giấu vào trong ống tay áo khoác đen H đang đắp trên người. Sau đó, H ngồi dậy, cầm chiếc áo khoác bên trong có giấu chiếc máy tính bảng đi vào nhà vệ sinh. H lấy chiếc máy tính bảng ra, cởi lớp áo trong cùng để quần quanh chiếc máy tính bảng. Sau đó, H cho chiếc máy tính bảng đã được quần lớp áo vào phần ống tay phía trên, bên trái rồi kẹp vào trong nách để tránh bị rơi. Tiếp đó, H quay lại vị trí làm việc. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, H đi bộ đến khu vực F5 gặp anh Đỗ Minh T1, sinh năm 1987, trú tại Khu A, xã H, tỉnh Phú Thọ là bảo vệ đang trực chốt cổng ra vào công ty để xin ra ngoài, nhưng anh T1 không đồng ý. Sau đó, H lợi dụng lúc anh T1 không để ý, trốn ra ngoài và mang theo chiếc máy tính bảng vừa trộm cắp được.

Sau đó H đã bán chiếc máy tính bảng trộm cắp được cho anh Nguyễn Văn L1 – là chủ Cửa hàng mua bán điện thoại di động 2L Mobile, với giá 2.000.000 đồng. Anh L1 đưa cho H 300.000 đồng tiền mặt và chuyển khoản 1.700.000 đồng từ tài khoản 686868686229 Ngân hàng T3 của bà Nguyễn Thị T2 là mẹ đẻ anh L1 đến

tài khoản 9349894316 Ngân hàng V của H. Sau đó, H đã tiêu xài cá nhân hết số tiền này.

Ngày 18/3/2026, anh Phạm Cao C1 là đại diện được ủy quyền của Công ty TNHH K1 đến Công an phường Đ trình báo sự việc trên.

Ngày 18/3/2026, Nông Văn H đã đến Công an phường Đ đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Ngày 20/3/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã ra Yêu cầu định giá tài sản số A4100/YC-VPCQCSĐT, yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng phường Đ, tỉnh Ninh Bình xác định giá trị của 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Sam Sung, loại Galaxy Tab S9 FE Wifi-X510 (6Gb/128Gb) đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 20/01/2026. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS ngày 24/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng phường Đ kết luận: Giá trị của 01 chiếc máy tính bảng, nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy Tab S9 FE Wifi-X510 (6Gb/128Gb) đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 20/01/2026 là 4.860.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 85/CT-VKS-KV6 ngày 03/7/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Ninh Bình đã truy tố Nông Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2, khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Ninh Bình đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 48 Bộ luật Hình sự. Áp dụng Điều 30 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên bố cáo Nông Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Trả lại bị cáo chiếc điện thoại di động nhưng được giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại; buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 4.860.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo H đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như nội dung vụ án đã nêu, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo nhất trí bồi thường cho Công ty TNHH K1 số tiền 4.860.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận trong bản án do bị cáo chưa có điều kiện bồi thường ngay cho Công ty.

Tại phiên tòa, anh C1 nhất trí với nội dung vụ án như Cáo trạng đã nêu. Anh đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo quy định. Về phần bồi thường dân sự; anh đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường Công ty TNHH K1 số tiền 4.860.000 đồng và ghi nhận trong bản án do bị cáo chưa có điều kiện bồi thường ngay cho Công ty.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Ninh Bình và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng.

[2] Về tội danh: Hành vi lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản, lén lút lấy trộm 01 chiếc máy tính bảng, nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy Tab S9 FE Wifi-X510 (6Gb/128Gb) đã qua sử dụng có trị giá 4.860.000 đồng của Công ty TNHH K1 tại trụ sở công ty ở Khu Công nghiệp Đ, tổ dân phố Đ, phường Đ, tỉnh Ninh Bình vào ngày 20/01/2026 của bị cáo Nông Văn H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại thời điểm phạm tội (ngày 20/01/2026) bị cáo Nông Văn H có 02 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng là “Tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “Đầu thú” quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết nào.

[4] Về hình phạt:

* Về hình phạt chính: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp tài sản của công dân. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” do vậy Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tiếp tục cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

Hội đồng xét xử cũng xem xét đến trị giá tài sản bị cáo trộm cắp, nhân thân và hoàn cảnh gia đình của bị cáo để quyết định mức hình phạt.

* Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản do vậy việc tại phiên tòa Kiểm sát viên rút một phần Cáo trạng không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Đối với chiếc máy tính bảng Sam Sung Galaxy Tab S9 FE, do anh Nguyễn Văn L1 đã bán cho một người khách không quen biết. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đã ra Quyết định truy tìm vật chứng nhưng chưa thu hồi được.

Đối với 01 điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, bên trong lắp 01 sim là tài sản hợp pháp của bị cáo **H**. Do **H** không sử dụng vào hành vi phạm tội nên trả lại bị cáo nhưng được giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

- Đối với 01 USB có vỏ bằng kim loại màu đỏ do anh **Phạm Cao C1** giao nộp, bên trong lưu trữ các đoạn video liên quan đến vụ án đã được đánh số bút lục và lưu trong hồ sơ vụ án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Xét trong quá trình điều tra bị cáo, nhân thân của bị cáo đều đồng ý bồi thường cho **Công ty TNHH K1** số tiền 4.860.000 đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chưa có để bồi thường. Tại phiên toà, bị cáo và bị hại vẫn thống nhất được số tiền phải bồi thường và đề nghị ghi nhận trong bản án. Xét sự thoả thuận này của bị cáo và bị hại là tự nguyện, phù hợp với kết luận định giá và **H** chưa thực hiện việc bồi thường do vậy cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền này.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do trong quá trình điều tra, bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn trong việc xác định số tiền phải bồi thường. Tại phiên toà bị cáo, bị hại không thay đổi số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại và đều đề nghị Tòa án ghi nhận việc bồi thường thiệt hại trong bản án do vậy bị cáo **H** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14.

[8] Về tình tiết khác: Đối với anh **Nguyễn Văn L1** có hành vi mua máy tính bảng của **Nông Văn H**: Quá trình điều tra xác định anh **L1** không hứa hẹn trước và không biết chiếc máy tính bảng là tài sản do **H** phạm tội mà có nên không có căn cứ để xem xét xử lý đối với anh **L1** về hành vi “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng Điều 30; điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Áp dụng các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14.

1. Tuyên bố bị cáo **Nông Văn H** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Xử phạt bị cáo **Nông Văn H** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (19/03/2026).

3. Về xử lý vật chứng: Trả lại bị cáo **Nông Văn H** 01 điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, bên trong lắp 01 sim nhưng được giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

Đặc điểm vật chứng được xác định theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 23/4/2026 giữa Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh N** và Cơ quan Kho vật chứng và tài liệu, đồ vật thuộc Phân trại tạm giam **V**, trại tạm giam số 2 **Công an tỉnh N**.

4. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại; buộc bị cáo **Nông Văn H** phải bồi thường cho **Công ty TNHH K1** số tiền 4.860.000 đồng.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo **Nông Văn H** phải nộp 200.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6 và 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự

Báo cho bị cáo **H**; người đại diện hợp pháp của bị hại – anh **C1** biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ Giám đốc kiểm tra I);
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 6 - Ninh Bình;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Ninh Bình;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Ninh Bình
- Phòng THADS khu vực 6, tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Huy Giáp, tỉnh Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ và văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Trần Anh Dũng